

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ - Theo định hướng ứng dụng**
Ngành đào tạo: **Kế toán**
Tên tiếng Anh: **Accounting**
Mã ngành: **8340301**
Hình thức đào tạo: **Chính quy; Vừa làm vừa học**

Bình Định, 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3199/QĐ/ĐHQN ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ - Theo định hướng ứng dụng
Ngành đào tạo: Kế toán
Tên tiếng Anh: Accounting
Mã ngành: 8340301
Hình thức đào tạo: Chính quy; Vừa làm vừa học

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình thạc sĩ Kế toán định hướng ứng dụng với mục tiêu đào tạo các nhà quản lý có năng lực lãnh đạo, có kỹ năng và kiến thức ở trình độ cao để quản lý, thiết kế và kiểm soát các hoạt động về kế toán, phân tích và hoạch định các nguồn lực tài chính ở các doanh nghiệp, đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng thương mại và các định chế tài chính (gọi chung là đơn vị); có năng lực quản trị, điều hành các tổ chức, đơn vị có quy mô lớn, đa quốc gia về lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính; có năng lực tự học, tự nghiên cứu và phát triển những tri thức mới trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán từ thực tiễn công tác.

1.2. Mục tiêu cụ thể (ký hiệu POs)

Thạc sĩ Kế toán có khả năng:

- Về kiến thức

+ PO1: Có hiểu biết tổng hợp về kinh tế, chính trị, pháp luật về lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

+ PO2: Có kiến thức ngành, chuyên ngành ở trình độ cao để lãnh đạo, điều hành tại các tổ chức, đơn vị về công tác kế toán, kiểm toán, tài chính và để nghiên cứu, tự học cho phát triển nghề nghiệp.

- Về kỹ năng

+ PO3: Có kỹ năng lãnh đạo, làm việc nhóm và giao tiếp.

+ PO4: Có kỹ năng viết báo cáo, phân tích, tổng hợp và khai thác dữ liệu kế toán để phục vụ quản lý và điều hành trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính.

+ PO5: Có tư duy phản biện, sáng tạo trong hoạt động quản lý, lãnh đạo chuyên môn về kế toán, kiểm toán và tài chính.

+ PO6: Sử dụng tốt ngoại ngữ (tiếng Anh) và công nghệ thông tin.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

+ PO7: Có năng lực tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm trong hoạt động nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán và tài chính.

+ PO8: Có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán và tài chính.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Học viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán có thể được xếp vào các vị trí việc làm:

- Nhóm cán bộ quản lý lãnh đạo từ cấp trung đến cấp cao phụ trách tài chính – kế toán, phân tích và tư vấn tài chính, kiểm toán nội bộ, kiểm toán, định giá, tư vấn tại các doanh nghiệp, đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp, các ngân hàng thương mại, các định chế tài chính (công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư,...), Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Nhà nước, cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm, công ty kiểm toán, công ty dịch vụ kế toán – kiểm toán, ...;

- Cán bộ nghiên cứu, giảng viên giảng dạy về kế toán tại các Trường, Viện, Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán.

Học viên tốt nghiệp thạc sĩ ngành Kế toán có thể học tiến sĩ của các chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán hoặc các chuyên ngành khác thuộc lĩnh vực kinh tế - Kế toán tại các trường đại học trong và ngoài nước.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Chương trình được thiết kế để đảm bảo học viên tốt nghiệp thạc sĩ ngành Kế toán đạt được chuẩn đầu ra sau:

3.1. Về kiến thức

+ Kiến thức cơ sở

1) PLO1: Tổng hợp được kiến thức về kinh tế, chính trị, pháp luật về lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

+ Kiến thức chuyên sâu của ngành

2) PLO2: Phân tích, đánh giá được những vấn đề thực tiễn về kế toán, kiểm toán, thuế, phân tích tài chính và kinh doanh.

3) PLO3: Đề xuất, kiến nghị được các giải pháp để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả trong công tác kế toán, kiểm toán, tài chính.

3.2. Về kỹ năng

+ Kỹ năng chung

4) PLO4: Thể hiện năng lực điều hành, quản lý nhóm, quản lý thời gian và tổ chức công việc một cách khoa học.

5) PLO5: Thể hiện năng lực giao tiếp và thuyết trình, năng lực sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp bằng văn bản, đạt tối thiểu bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

+ Kỹ năng chuyên môn

6) PLO6: Thể hiện năng lực quản trị, điều hành hoạt động chuyên môn nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán, tài chính.

7) PLO7: Thể hiện năng lực phán đoán và đưa ra các quyết định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính.

8) PLO8: Thể hiện năng lực tổng hợp, sáng tạo trong công việc chuyên môn về lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính và các lĩnh vực khác có liên quan.

3.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

9) PLO9: Đủ khả năng để học tập suốt đời, tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân.

10) PLO10: Thể hiện tính tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và tự chịu trách nhiệm trong công tác chuyên môn.

4. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành Kế toán;

- Có trình độ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

- Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành phù hợp:

TT	Ngành dự tuyển thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học phù hợp	Ghi chú
1	Kế toán	Kế toán Kiểm toán Kế toán-Kiểm toán	

- Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành cần bổ sung kiến thức: Danh mục ngành cần bổ sung kiến thức và học phần cần học bổ sung kiến thức gồm:

TT	Ngành dự tuyển thạc sĩ	Ngành cần bổ sung kiến thức	Học phần bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Kế toán	Tài chính-Ngân hàng Quản trị kinh doanh Marketing Bất động sản Kinh doanh quốc tế Kinh doanh thương mại Thương mại điện tử Bảo hiểm Kinh tế Kinh tế đầu tư Kinh tế phát triển Kinh tế quốc tế - Thống kê kinh tế - Toán kinh tế Kinh tế xây dựng - Quản lý kinh tế - Quản lý dự án - Khoa học quản lý - Quản trị nhân lực - Quản trị khách sạn	- Tổ chức hạch toán kế toán - Kế toán quản trị - Phân tích kinh doanh - Kiểm toán căn bản	Tùy trường hợp cụ thể Khoa đề xuất HP bổ sung kiến thức

	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống - Hệ thống thông tin quản lý - Kinh tế công nghiệp - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng <p><i>Những ngành khác thì xem xét từng trường hợp</i></p>		
--	--	--	--

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn ban hành kèm theo Quyết định số 2705/QĐ-ĐHQN ngày 21/10/2021.

6. THỜI GIAN ĐÀO TẠO VÀ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOA

6.1. Thời gian đào tạo: 2 năm

6.2. Khối lượng kiến thức toàn khoa: 60 tín chỉ (bao gồm 06 tín chỉ thực tập và 09 tín chỉ Đề án tốt nghiệp)

Cấu trúc chương trình	Số tín chỉ
Phần kiến thức chung	4
Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành	47
Các học phần bắt buộc	29
Các học phần tự chọn	18
Đề án tốt nghiệp	9
Tổng	60

7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

7.1. Quy trình đào tạo

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Quy Nhơn

7.2. Điều kiện tốt nghiệp

Theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Quy Nhơn:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ

nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường Đại học Quy Nhơn; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ, THANG ĐIỂM

8.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

8.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

- Học phần lý thuyết:

Đánh giá quá trình: chọn 1 trong 3 nhóm trọng số 30%, 40% hoặc 50%.

Đánh giá cuối kỳ: chọn 1 trong 3 nhóm trọng số 70%, 60% hoặc 50%.

- Học phần thực tập chuyên môn

40% điểm quá trình; 60% điểm báo cáo. Tiêu chí đánh giá: được nêu cụ thể trong M4 của học phần.

- Đề án tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn. Tiêu chí cụ thể được nêu chi tiết trong M4 của học phần.

8.3. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment) và được quy định cụ thể trong bản mô tả chương trình đào tạo của ngành Kế toán.

9. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần		Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng kiến thức			Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
	Chữ	Số			Tổng	LT	BT, TL			
I. Phần kiến thức chung					4					
1	XHTH	501	Triết học	1	4	4			K.LLCT-L-QLNN	
II. Phần kiến thức cơ sở và kiến thức ngành					56					
II.1. Phần bắt buộc					29					
2	KTVM	503	Kinh tế học vi mô nâng cao	1	2	1,6	0,4		K.KT & KT	
3	KTVX	504	Kinh tế học vĩ mô nâng cao	1	2	1,6	0,4		K.KT & KT	
4	KTLT	512	Lý thuyết kế toán	1	3	2	1		K.KT & KT	

5	KTTC	513	Kế toán tài chính nâng cao	2	3	2	1	KTLT 512	K.KT & KT
6	KTQT	514	Kế toán quản trị nâng cao	2	3	2	1	KTLT 512	K.KT & KT
7	KTPD	516	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	3	2	1	KTTC 513	K.KT & KT
8	KTHH	517	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	3	3	2	1	KTTC 513 KTQT 514	K.KT & KT
9	KTKS	519	Kiểm soát nội bộ nâng cao	2	3	2	1	KTLT 512	K.KT & KT
10	KTTM	530	Thực tập chuyên môn 1	2	4	0	4	KTTC 513	K.KT & KT
11	KTTM	531	Thực tập chuyên môn 2	3	3	0	3	KTPD 516 KTKS 519	K.KT & KT
II.2. Phần tự chọn				18					
<i>Tự chọn 1: Chọn 1 trong 2 học phần</i>				<i>3/6</i>					
12	KTQH	508	Quản trị học hiện đại	1	3	2	1		K.TCNH & QTKD
13	KTKD	527	Quản trị kinh doanh quốc tế	1	3	2	1		K.TCNH & QTKD
<i>Tự chọn 2: Chọn 1 trong 2 học phần</i>				<i>3/6</i>					
14	KTDL	528	Nghiên cứu định lượng trong kế toán – kiểm toán	1	3	2	1		K.KT & KT
15	KTLB	529	Phân tích dữ liệu và dự báo	1	3	2	1		K.KT & KT
<i>Tự chọn 3: Chọn 1 trong 2 học phần</i>				<i>3/6</i>					
16	KTKC	521	Kế toán công	2	3	2	1	KTLT 512	K.KT & KT
17	KTTH	523	Pháp luật về thuế và kế toán thuế	2	3	2	1	KTTC 513 KTQT 514	K.KT & KT
<i>Tự chọn 4: Chọn 1 trong 2 học phần</i>				<i>3/6</i>					
18	KTCM	518	Chuẩn mực kế toán	3	3	2	1	KTLT 512	K.KT & KT
19	KTTG	520	Kế toán quốc tế nâng cao (Chuẩn	3	3	2	1	KTTC 513	K.KT & KT

				mục BCTC quốc tế - IFRS)								
<i>Tự chọn 5: Chọn 2 trong 5 học phần</i>					6/15							
20	KTTT	507	Tài chính – Tiền tệ	3	3	2	1		K.TCNH & QTKD			
21	KTKT	515	Kiểm toán nâng cao	3	3	2	1	KTTC 513	K.KT & KT			
22	KTQL	522	Kiểm soát quản lý	3	3	2	1	KTTC 513	K.KT & KT			
23	KTCL	524	Quản trị chiến lược	3	3	2	1		K.TCNH & QTKD			
24	KTQC	526	Quản trị tài chính	3	3	2	1		K.TCNH & QTKD			
II.3. Đề án tốt nghiệp					9							
25	KTDA	532	Đề án tốt nghiệp	4	9	0	9		K.KT & KT			
Tổng cộng					60							

Bảng Ma trận mối quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra

STT	Mã HP	Tên HP	PLOs										
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	XHTH 501	Triết học	H			M						M	
2	KTVM 503	Kinh tế học vi mô nâng cao	H			M	L					M	M
3	KTVX 504	Kinh tế học vĩ mô nâng cao	H			M	L					M	M
4	KTLT 512	Lý thuyết kế toán	M	L		M	L	L				M	M
5	KTTC 513	Kế toán tài chính nâng cao		M	M			M	H			M	M
6	KTQT 514	Kế toán quản trị nâng cao		M	H	H	M	H	H	H	H	H	H
7	KTPD 516	Phân tích tài chính doanh nghiệp		M	H	H	M	H	H	H	H	H	H
8	KTHT 517	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao		M	H	H	M	H	H	M	M	M	H
9	KTKS 519	Kiểm soát nội bộ nâng cao		M	H	H		M	M			H	H
10	KTTM 530	Thực tập chuyên môn 1		M	H	H		H	H			H	H
11	KTTM 531	Thực tập chuyên môn 2		M	H	H		H	H			H	H
12	KTQH 508	Quản trị học hiện đại	M		L	M	M	L	L			M	M
13	KTKD 527	Quản trị kinh doanh quốc tế	M		M	M	M		M			L	M
14	KTDL 528	Nghiên cứu định lượng trong kế toán – kiểm toán	M		M	M			L			L	L

15	KTLB 529	Phân tích dữ liệu và dự báo	M		M	L	M				L	L	
16	KTKC 521	Kế toán công			M	M	M	M	M	M	L	M	H
17	KTTH 523	Pháp luật về thuế và kế toán thuế			M	M	M	M	M	M	L	M	H
18	KTCM 518	Chuẩn mực kế toán			M	M			M	H		M	M
19	KTTG 520	Kế toán quốc tế nâng cao (Chuẩn mực BCTC quốc tế - IFRS)			M	M	M	M		M	L	M	H
20	KTTT 507	Tài chính – Tiền tệ	M			H				H		H	
21	KTKT 515	Kiểm toán nâng cao			M	L	M	M		L		L	M
22	KTQL 522	Kiểm soát quản lý			M	L	M	M		L		L	M
23	KTCL 524	Quản trị chiến lược			M	L	M	M	L	L		M	M
24	KTQC 526	Quản trị tài chính			M	M			M	M	M	M	M
25	KTDA 532	Đề án tốt nghiệp			H	H	H	H		H		H	H

10. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Kế hoạch đào tạo (học kỳ)				Dự kiến giảng viên thực hiện	Khoa QLHP
	Chữ	Số			1	2	3	4		
I. Kiến thức chung										
1	XHTH	501	Triết học	4	4				K.LLCT-L-QLNN	K.LLCT-L-QLNN
II. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành										
II.1. Bắt buộc										
2	KTVM	503	Kinh tế học vi mô nâng cao	2	2				TS. Hoàng Thị Hoài Hương TS. Lê Kim Chung	K.KT & KT
3	KTVX	504	Kinh tế học vĩ mô nâng cao	2	2				TS. Đào Quyết Thắng PGS.TS. Nguyễn Đình Hiền	K.KT & KT
4	KTLT	512	Lý thuyết kế toán	3	3				PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh PGS.TS. Nguyễn Ngọc Tiên	K.KT & KT

5	KTTC	513	Kế toán tài chính nâng cao	3	3		PGS.TS. Nguyễn Ngọc Tiên TS. Đào Nhật Minh	K.KT & KT
6	KTQT	514	Kế toán quản trị nâng cao	3	3		TS. Nguyễn Thị Lệ Hằng PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh	K.KT & KT
7	KTPD	516	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3		3	TS. Đỗ Huyền Trang PGS.TS. Nguyễn Ngọc Tiên	K.KT & KT
8	KTHT	517	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	3		3	TS. Đào Nhật Minh TS. Nguyễn Thị Lệ Hằng	K.KT & KT
9	KTKS	519	Kiểm soát nội bộ nâng cao	3		3	TS. Lê Thị Thanh Mỹ TS. Lê Trần Hạnh Phương	K.KT & KT
10	KTTM	530	Thực tập chuyên môn 1	4		4	K.KT & KT	K.KT & KT
11	KTTM	531	Thực tập chuyên môn 2	3		3	K.KT & KT	K.KT & KT
III.2. Tự chọn								
<i>Tự chọn 1: Chọn 1 trong 2 học phần</i>				3	3			
12	KTQH	508	Quản trị học hiện đại	3			K.TCNH & QTKD	K.TCNH & QTKD
13	KTKD	527	Quản trị kinh doanh quốc tế	3			K.TCNH & QTKD	K.TCNH & QTKD
<i>Tự chọn 2: Chọn 1 trong 2 học phần</i>				3	3			
14	KTDL	528	Nghiên cứu định lượng trong kế toán – kiểm toán	3			TS. Trương Thị Thanh Phượng TS. Hoàng Mạnh Hùng	K.KT & KT
15	KTLB	529	Phân tích dữ liệu và dự báo	3			TS. Hoàng Mạnh Hùng TS. Trương Thị Thanh Phượng	K.KT & KT
<i>Tự chọn 3: Chọn 1 trong 2 học phần</i>				3		3		

16	KTKC	521	Kế toán công	3					TS. Đỗ Huyền Trang PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh	K.KT & KT
17	KTTH	523	Pháp luật về thuế và kế toán thuế	3					TS. Đào Nhật Minh TS. Nguyễn Thị Kim Tuyền	K.KT & KT
<i>Tự chọn 4: Chọn 1 trong 2 học phần</i>				3			3			
18	KTCM	518	Chuẩn mực kế toán	3					PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh PGS.TS. Nguyễn Ngọc Tiến	K.KT & KT
19	KTTG	520	Kế toán quốc tế nâng cao (Chuẩn mực BCTC quốc tế - IFRS)	3					TS. Nguyễn Thị Kim Tuyền TS. Lê Trần Hạnh Phương	K.KT & KT
<i>Tự chọn 5: Chọn 2 trong 5 học phần</i>				6			6			
20	KTTT	507	Tài chính – Tiền tệ	3					K.TCNH & QTKD	K.TCN H & QTKD
21	KTKT	515	Kiểm toán nâng cao	3					TS. Lê Trần Hạnh Phương TS. Lê Thị Thanh Mỹ	K.KT & KT
22	KTQL	522	Kiểm soát quản lý	3					TS. Lê Trần Hạnh Phương TS. Lê Thị Thanh Mỹ	K.KT & KT
23	KTCL	524	Quản trị chiến lược	3					K.TCNH & QTKD	K.TCN H & QTKD
24	KTQC	526	Quản trị tài chính	3					K.TCNH & QTKD	K.TCN H & QTKD
III. Đề án tốt nghiệp										
25	KTDA	532	Đề án tốt nghiệp	9				9	GV ngành Kế toán đủ điều kiện	K.KT & KT
Tổng cộng				60	17	16	18	9		

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh khoá 24 (đợt tuyển sinh sau ngày 15/10/2021) cho học viên ngành Kế toán.

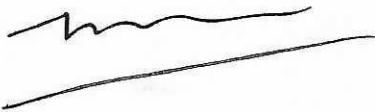
- Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những học phần tự chọn, tùy vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, Khoa quản lý chuyên môn sẽ tư vấn cho học viên chọn những học phần thích hợp.

- Trưởng khoa quản lý chuyên môn chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

- Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật ít nhất 2 năm một lần, đáp ứng sự phát triển của ngành Kế toán và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội./.

Bình Định, ngày 03 tháng 12 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC - HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Hồ Xuân Quang



PGS.TS. Đoàn Đức Tùng